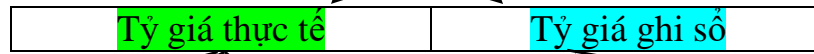


Các loại tỷ giá hạch toán ngoại tệ



Tỷ giá ký kết	Tỷ giá thực tế mua NT	Tỷ giá thực tế bán NT	Tỷ giá ghi sổ thực tế dịch danh	Tỷ giá ghi sổ xuất quỹ
(Tỷ giá ký kết hay thỏa thuận trong hợp đồng mua hoặc bán ngoại tệ của NHTM nơi DN ký hợp đồng)	<ul style="list-style-type: none"> - Nợ TK 1112, 1122 (trừ TH rút TGNH về nhập quỹ hoặc ngược lại) - Nợ TK 131, 136, 138 (ghi nhận nợ PT) - Có TK 131 ƯT, Có TK 136 ƯT - Nợ TK 152, 153, 211, 621, 627, 641, 642.. Mua sắm TS, CF phát sinh thanh toán ngay - Có TK 411: Nhận góp vốn, được cấp vốn, tài trợ - Nợ TK 121, 128, 221, 222... đầu tư - Có TK 511, 711 (Tăng doanh thu, TN khác – trừ TH ứng trước tiền cho NCC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Có TK 331, 336, 338, 341: Tăng Nợ phải trả - Nợ TK 152, 153, 211, 621, 627, 641, 642.. Mua sắm TS, CF phát sinh chưa trả tiền - Nợ TK 331 ƯT, Nợ TK 336 ƯT 	<ul style="list-style-type: none"> - Có TK 131, 136, 138 (Thu hồi nợ PT) - Nợ TK 331, 336, 341 (Thanh toán nợ phải trả) - Có TK 244: Thu hồi các khoản kỹ quỹ, ký cược - Nợ TK 131 ƯT, Nợ TK 136 ƯT - Có TK 331 ƯT, Có TK 336 ƯT (TH phát sinh từng khoản công nợ của từng đối tượng) 	(Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền sau từng lần nhập) <ul style="list-style-type: none"> - Có TK 1112, Có TK 1122 (chi TM, TGNH) - Có TK 131, 136, 138 - Nợ TK 331, 336, 341 (TH phát sinh nhiều khoản công nợ của từng đối tượng)

